

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng
thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đến năm 2035**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng, quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 22/2001/QĐ-UB ngày 02/4/2001 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-UBND ngày 15/8/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Căn cứ Thông báo số 55-TB/TU của Tỉnh ủy Gia Lai ngày 28/12/2020, kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy về điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đến năm 2035;

Xét Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 21/01/2021 của UBND huyện Ia Grai và Báo cáo thẩm định số 14/BC-SXD ngày 01/02/2020 của Sở Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai đến năm 2035 với nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai giai đoạn đến năm 2035.

2. Phạm vi và ranh giới quy hoạch:

2.1. Phạm vi: Thực hiện trong ranh giới toàn thị trấn Ia Kha với tổng diện tích tự nhiên là 2.948,68 ha.

2.2. Ranh giới quy hoạch:

- Phía Bắc : Giáp xã Ia Hrug và xã Ia Grăng.
- Phía Nam : Giáp xã Ia Pếch.
- Phía Đông : Giáp xã Ia Dêr.
- Phía Tây : Giáp xã Ia Grăng và xã Ia Tô.

3. Tính chất đô thị và quy mô quy hoạch:

3.1. Tính chất đô thị:

- Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - thể dục thể thao, thương mại dịch vụ và an ninh quốc phòng của huyện Ia Grai.
- Là đô thị vệ tinh kết nối với thành phố Pleiku, hình thành các mối liên kết về nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ phụ trợ.

3.2. Mục tiêu:

- Phát triển đô thị bền vững, hiện đại, mang bản sắc địa phương, lấy chất lượng sống của cộng đồng dân cư làm nền tảng.
- Kết nối không gian, hạ tầng phù hợp và hiệu quả đối với các khu vực lân cận xung quanh. Khai thác tối đa hệ thống giao thông khu vực, giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa các khu chức năng trong đô thị.
- Xây dựng thị trấn Ia Kha thành một đô thị xanh, sạch, đẹp, văn minh và có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

3.3. Quy mô quy hoạch:

a) Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng năm 2019: 13.883 người (trong đó dân số thường trú 11.539 người và dân số quy đổi 2.344 người)
- Dân số định hướng đến năm 2025: 15.000-16.000 người.
- Dân số định hướng đến năm 2035: 18.000-20.000 người.

b) Quy mô đất xây dựng đô thị:

- Hiện trạng đất xây dựng đô thị năm 2019: 316,45 ha.
- Quy mô đất xây dựng đô thị định hướng đến năm 2025: 350 ha.
- Quy mô đất xây dựng đô thị định hướng đến năm 2035: 450-500 ha.

c) Tỷ lệ lập quy hoạch: Lập quy hoạch chung xây dựng với tỷ lệ: 1/5.000.

3.4. Giai đoạn lập quy hoạch: Đến năm 2035.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hướng phát triển của đô thị:

4.1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

a) Luận cứ để xây dựng chỉ tiêu sử dụng đất để làm cơ sở lập quy hoạch:

- Hiện trạng chỉ tiêu sử dụng đất xây dựng đô thị theo thống kê đến thời điểm hiện tại là 227,94 m²/người.

- Đất ở dân cư và đất sản xuất nông nghiệp đan xen trong khu vực đô thị do tính chất đặc thù của đô thị miền Núi.

- Chỉ tiêu sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020, kế hoạch sử dụng đất huyện Ia Grai đến năm 2020 đã được UBND tỉnh lần lượt phê duyệt tại Quyết định số 344/QĐ-UBND ngày 25/6/2019 và Quyết định số 377/QĐ-UBND ngày 28/6/2019.

b) Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị giai đoạn đến năm 2035 dự kiến 200 - 240m²/người, bao gồm đất dân dụng, đất ở đô thị, đất công trình dịch vụ công cộng, đất cây xanh - mặt nước, thể dục thể thao, đất giao thông.

4.2. Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội:

Theo Thông tư số 22/2019/QĐ-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư 01/2016/TT-BXD của Bộ Xây dựng ngày 01/02/2016 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về các công trình Hạ tầng kỹ thuật.

Bảng chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật

Số TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm tính	
			2020-2025 (Tiêu chuẩn đô thị loại V)	2026-2035 (Tiêu chuẩn đô thị loại V)
1	Giao thông			
	Đường chính đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường cấp khu vực)	km/km ²	≥ 6,5	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 18	≥ 18
2	Cấp nước			
	Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	≥ 80	100
	- Tỷ lệ cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	100	100
	Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha-ngđ	35	35
3	Thoát nước bẩn, quản lý chất thải rắn			
	Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	80%	80%
	Thu gom chất thải rắn			
	- Tiêu chuẩn chất thải rắn phát sinh	(Kg/ng.ng)	0,8	1,0
	- Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt	%	≥ 85	≥ 90
4	Cấp điện			
	- Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt	W/người	≥ 200	≥ 330
	- Tiêu chuẩn cấp điện công cộng và dịch vụ		30% sinh hoạt	30% sinh hoạt
	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp - TTCN	kw/ha	140 -250	140 - 250

4.3 Hướng phát triển đô thị:

Bên cạnh khu vực đô thị hiện hữu, đến năm 2035 định hướng đô thị thị trấn Ia Kha phát triển thêm 2 hướng sau:

- Phát triển về phía Đông (hướng kết nối về thành phố Pleiku): Hình thành khu dân cư mới kết hợp các công trình công cộng, thương mại - dịch vụ
- Phát triển về phía Bắc: Hình thành khu dân cư mới gắn kết với cảnh quan sinh thái nông nghiệp.

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

5.1. Định hướng phát triển không gian:

Định hướng phát triển không gian đô thị thị trấn Ia Kha đến năm 2035 có tính toán kết nối với đô thị động lực thành phố Pleiku, kết nối hệ thống giao thông đường Hồ Chí Minh, đường vành đai phía Tây thành phố Pleiku, kết nối đường 17/3, Tôn Thất Thuyết (Pleiku) nối dài, tính toán định hướng phát triển đô thị hóa khu vực phía Tây của thành phố Pleiku.

Định hướng đô thị Ia Kha thuộc huyện Ia Grai chia làm 4 khu vực phát triển chính gồm:

- Khu vực 1 (khu vực lõi trung tâm gồm các tổ dân phố 2,3,4,5,7 và hai làng Kép, làng Yam): Tập trung chỉnh trang khu dân cư, cải tạo, hoàn chỉnh hạ tầng thiết yếu; phát triển du lịch cộng đồng, bảo tồn các giá trị về kiến trúc, văn hóa, phong tục tập quán địa phương; đẩy mạnh hoàn thành đầu tư xây dựng các công trình công cộng, hành chính, thương mại - dịch vụ, công trình điểm nhấn và trực cảnh quan chính.

- Khu vực 2 (phía Bắc thị trấn thuộc Thôn Thắng Trạch 1 và Thôn Thắng Trạch 2): Phát triển cảnh quan sinh thái tự nhiên, sinh thái nông nghiệp kết hợp khu dân cư mật độ thấp.

- Khu vực 3 (phía Đông thị trấn): Khu đô thị mới kết hợp thương mại dịch vụ, dọc Tỉnh lộ 664 và một phần thuộc thôn 1 tuyến đường liên xã đi xã Ia Hrug.

- Khu vực 4: Khu vực nông nghiệp ven đô thị và là vùng đệm xanh cho đô thị Ia Kha.

- Các chức năng khác của đô thị: Khu giết mổ tập trung được bố trí phía Tây Nam, khu xử lý nước thải bố trí phía Tây Bắc, nghĩa trang đã được quy hoạch ở phía Tây Bắc cách tỉnh lộ 664 khoảng 200m, bãi xử lý rác thải tại vị trí xã Ia Bả cách tỉnh lộ 664 khoảng 5,5km và các công trình hạ tầng khác được bố trí ngoài ranh giới thị trấn thuộc các xã lân cận.

5.2. Định hướng đầu mối hạ tầng kỹ thuật

- Bến xe quy hoạch nằm tại phía Đông của thị trấn, đáp ứng được nhu cầu đậu đỗ xe, trung chuyển hành khách, hàng hóa, dịch vụ công cộng.

- Xây dựng mới trạm xử lý nước thải ở phía Tây Bắc thị trấn.

5.3. Định hướng hệ thống công viên, mảng xanh cảnh quan, không gian mở:

- Giữ gìn và tôn tạo các cảnh quan tự nhiên; tạo dựng hệ thống cây xanh cảnh quan sinh thái nông nghiệp kết hợp mặt nước phía Bắc thị trấn với các khu chức năng trong đô thị để tạo cảnh quan và cải thiện môi trường đô thị.

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh tập trung đối với đất xây dựng đô thị.

5.4. Định hướng phát triển du lịch:

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phát triển du lịch: Nhà hàng, khách sạn, các điểm dừng chân, điểm vui chơi giải trí; xây dựng, liên kết các tour du lịch văn hóa - sinh thái đến các điểm du lịch trên địa bàn huyện: Lòng hồ thủy điện Sê San 4 (xã Ia O), thác Mơ, bến đò A Sanh (xã Ia Khai), di tích lịch sử chiến thắng Chư Nghé (xã Ia Krai), thác Lê Kim (xã Ia Bă), thác Chín Tầng (xã Ia Sao),...

5.5. Các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật ngoài ranh giới quy hoạch, có ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển đô thị của thị trấn Ia Kha.

- Nghĩa trang nhân dân thị trấn: Đã được quy hoạch và đầu tư xây dựng nằm phía Tây thị trấn.

- Bãi rác tại xã Ia Bă, cách tỉnh lộ 664 khoảng 5,5km, diện tích 7ha.

- Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp được quy hoạch tại xã Ia Der có quy mô khoảng 52,69 ha.

- Khu sản xuất nông nghiệp công nghệ cao phía Đông thị trấn quy mô khoảng 40-50 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất theo các giai đoạn quy hoạch: Cơ cấu sử dụng đất toàn thị trấn đến năm 2035 như sau:

Bảng tổng hợp sử dụng đất toàn đô thị

Stt	Hạng mục	Hiện trạng năm 2019			Giai đoạn đến năm 2025			Giai đoạn đến năm 2035		
		Dân số: 13.883			Dân số: 16.000			Dân số: 20.000		
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu m ² /người
A	SỬ DỤNG ĐẤT NGOÀI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN IA KHA	2.948,68	100		2.948,68	100		2.948,68	100	
I	Đất xây dựng đô thị	316,45	10,73	227,94	350	13,22	218,75	460	16,28	230
1	Đất dân dụng	235,35	7,98	169,52	258,92	9,93	161,83	345,77	12,43	172,89
1.1	Đất ở đô thị	101,57		73,16	110,89		69,31	154,94		77,47
1.2	Đất công trình công cộng, dịch vụ đô thị	36,5		26,29	46,21		28,88	70,17		35,09
1.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	10,16		7,32	12,8		8,00	25,55		12,78
1.4	Đất giao thông	87,12		62,75	89,02		55,64	95,11		47,56
2	Đất ngoài dân dụng	81,1	2,75		91,08	3,29	56,93	114,23	3,84	57,12
II	Đất khác	2.632,23	89,27		2.598,68	86,78		2.488,68	83,72	
B	SỬ DỤNG ĐẤT NGOÀI ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH THỊ TRẤN IA KHA	7,00			32,00			62,69-67,69		

7. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

* Giao thông đối ngoại:

- Tỉnh lộ 664 nối thị trấn với thành phố Pleiku và quốc lộ 14C chạy theo hướng Bắc Nam dọc biên giới là tuyến giao thông chính đi qua thị trấn có chỉ giới 30m.

- Tuyến đường liên huyện Chư Păh - Ia Grai - Đức Cơ - Chư Prông đi qua thị trấn Ia Kha có chỉ giới 21m.

- Tuyến đường liên xã từ trung tâm thị trấn Ia Kha đi các xã Ia Pêch, Ia Hrug, Ia Găng, Ia Sao có chỉ giới 21m.

- Ngoài ra còn có tuyến đường Hồ Chí Minh đi qua phía Đông thị trấn là tuyến giao thông liên vùng kết nối thị trấn với các khu vực lân cận.

* Giao thông chính đô thị: Các tuyến đường Hùng Vương, Cách Mạng, Quang Trung, Võ Thị Sáu, Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Trãi và đường tránh phía Bắc có chỉ giới từ 13,5m - 30m.

* Công trình đầu mối: Bến xe huyện quy hoạch về khu vực phía Đông thị trấn.

* Giao thông tĩnh: Được bố trí phân tán theo từng khu chức năng trong khu trung tâm thị trấn, khu trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ, cây xanh, thể dục thể thao, dân cư,...

Bảng tổng hợp hệ thống giao thông khu vực nội thị
(chi tiết xem tại bản vẽ giao thông thuộc đồ án)

Stt	Tên loại đường	Lòng đường (m)	Dải phân cách (m)	Via hè (m)	Chỉ giới giao thông (m)
1	Mặt cắt 1 - 1	9,0 x 2	2,0 - 4,0	(4,0 - 10,0) x 2	30,0 - 40,0
2	Mặt cắt 1A - 1A	15,0 - 20,0		(7,5 - 10,0) x 2	30,0 - 40,0
3	Mặt cắt 2 - 2	10,5		(7,25 - 9,75) x 2	25,0 - 30,0
5	Mặt cắt 3 - 3	10,5		(4,75 - 7,25) x 2	20,0 - 25,0
5	Mặt cắt 4 - 4	10,5		(3,5 - 5,75) x 2	17,5 - 22,0
6	Mặt cắt 5 - 5	7,5		(3,0 - 5,0) x 2	13,5 - 17,5

Ghi chú:

- Các tuyến đường có chỉ giới nhỏ hơn 17,5m bề rộng lòng đường, vỉa hè, dải phân cách sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và phù hợp với từng giai đoạn đầu tư.

- Đối với bề rộng lòng đường, vỉa hè, dải phân cách tuân thủ theo QCVN 07-2016/BXD. Tùy theo nhu cầu đầu tư có thể xem xét bề rộng lòng đường, vỉa hè, dải phân cách cho phù hợp và đảm bảo định hướng lâu dài tránh lãng phí đầu tư.

- Kích thước, tiết diện đường dây đường ống bố trí theo hệ thống giao thông. Trong quá trình đầu tư xây dựng cần tính toán cụ thể theo QCVN, TCVN; đảm bảo công suất thiết kế.

7.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng và thoát nước mưa:

a) Cao độ nền:

- Kết hợp địa hình tự nhiên và phương pháp san lấp cục bộ, tạo độ dốc thoát nước, tránh ngập úng đảm bảo hài hòa cảnh quan chung với khu vực xung quanh.

- Đối với khu vực trung tâm thị trấn hiện hữu và các khu vực đã xây dựng với mật độ cao thì chủ yếu san lấp cục bộ trong quá trình cải tạo chỉnh trang đô thị nhằm tạo độ dốc thoát nước, tránh ngập úng cục bộ. Trường hợp không có khả năng cải tạo tôn nền chống ngập có thể xây dựng bờ bao ven sông suối để chống ngập cho các khu vực.

- Quy hoạch cao độ nền phải kết hợp chặt chẽ với quy hoạch thoát nước mưa.

- Cao độ nền xây dựng dự kiến:

- + Cao độ cao nhất: 678m.
- + Cao độ thấp nhất: 540m.
- + Cao độ trung bình: 609m.
- Độ dốc nền từng khuôn viên công trình đạt $i = 0,4\% \div 5,0\%$ để đảm bảo thoát nước tự chảy.
- b) Thoát nước mưa:
 - Kết hợp thoát nước theo địa hình tự nhiên và hệ thống cống đã được đầu tư xây dựng.
 - Lưu vực thoát nước: Toàn bộ đô thị trấn Ia Kha chia ra làm 2 lưu vực thoát nước chính gồm:
 - + Lưu vực 1 (phía Bắc đường Hùng Vương): Hướng dốc về phía Tây thoát nước xuống sông suối có dòng chảy về hướng cầu Ia Châm.
 - + Lưu vực 2 (phía Nam đường Hùng Vương): Hướng dốc về phía Tây thoát nước xuống sông suối có dòng chảy về hướng cầu Ia Châm.
 - Cống thoát mưa sử dụng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính D800 đến D1.500.
 - Giai đoạn đầu: Sử dụng hệ thống thoát nước mưa và nước thải chung.
 - Giai đoạn dài hạn: Sử dụng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

- a) Tính toán nhu cầu phụ tải điện:
 - Tổng công suất cấp điện toàn khu quy hoạch: $P = 10.925\text{KW}$.
 - Chọn hệ số sử dụng $K_{sd} = 0,7$; hệ số $\cos\varphi = 0,8$
 - Tổng công suất của các trạm biến áp phụ tải $S = 9.559\text{KVA}$.
- b) Nguồn điện:
 - Hiện tại toàn thị trấn Ia Kha được cấp điện từ 2 nguồn như sau:
 - + Đường điện 22KV từ trạm trung gian 110/35/22KV E42 Pleiku đi dọc theo tỉnh lộ 664 đến xã Ia O cấp điện khu vực Ia Grai.
 - + Trạm trung gian T1 6.300KVA 35/22KV Ia Grai lấy nguồn từ đường dây 35KV, đặt khu vực phía Nam thị trấn hòa chung mạng 22KV hiện có.
- c) Mạng điện phân phối:
 - Từng bước ngầm hóa hệ thống cấp điện.
 - Cải tạo đường dây 22KV hiện có cáp trần thành cáp bọc đi nổi trong nội thị.
 - Xây mới đường dây 22 KV cáp bọc đi trên cột bê tông ly tâm
 - Xây mới các tuyến 0,4 KV dùng cáp vặn xoắn.
 - Đối với trạm biến áp cấp điện cho phụ tải dân sinh trong khu vực đô thị có bán kính $\leq 300\text{m}$ hoặc $\leq 800\text{m}$ tùy thuộc vào mật độ phụ tải.
 - Xây dựng thêm các trạm hạ thế với bán kính cấp điện không quá 300m.

d) Chiếu sáng đô thị:

- Lưới điện chiếu sáng giao thông trong thị trấn dùng 3 pha có cấp điện áp 380/220V.

- Cáp ngầm cấp chiếu sáng dùng loại CU/XLPE/DSTA/PVC chôn trong mương đất. Hệ thống chiếu sáng bao gồm các đèn cao áp trên cột liên cần bố trí dọc theo các trục đường giao thông.

- Lưới chiếu sáng đường: Trên các trục đường chính dùng cáp ngầm, trên các đường nội bộ dùng dây nổi ABC bắt chung cột với các đường dây 22KV và 0,4KV. Tiết diện đường trục chính từ 16mm² đến 25mm², các nhánh rẽ với các đường dây nổi 16mm², với các đường cáp ngầm có thể nhỏ hơn 16mm².

- Đèn chiếu sáng dùng bóng đèn thủy ngân cao áp 125W đến 250W hoặc bóng LED 100W đến 120W khoảng cách trung bình giữa các đèn 30m - 50m.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

a) Tính toán nhu cầu cấp nước: Dự báo nhu cầu cấp nước toàn thị trấn giai đoạn đến năm 2035 đối với đô thị loại V là 3.240m³/ngày-đêm.

b) Nguồn nước:

- Giai đoạn đến năm 2025: Sử dụng trạm cấp nước sinh hoạt hiện có với công suất 827 m³/ngày-đêm (nước giếng khoan), tiếp tục nâng cấp trạm cấp nước lên 1.000 m³/ngày-đêm.

- Giai đoạn sau năm 2025: Xây dựng thêm 01 trạm cấp nước công suất Q=3.000m³/ngày-đêm nằm ở phía Đông thị trấn, nguồn nước lấy từ hồ Ia Năng phục vụ cấp nước sinh hoạt cho thị trấn Ia Kha và các xã lân cận trên địa bàn huyện.

c) Phương án cấp nước sinh hoạt cho thị trấn:

- Từ trạm cấp nước trong khu đô thị xây dựng mới các tuyến ống cấp nước chính, nhánh, phân phối có đường kính từ D250 - D100 dọc theo các tuyến đường của thị trấn phục vụ nhu cầu các khu chức năng xây dựng mới. Kết nối phù hợp với mạng lưới ống hiện hữu đảm bảo cấp nước đủ, liên tục, an toàn cho nhu cầu dùng nước của thị trấn theo các giai đoạn phát triển.

- Mạng lưới đường ống bố trí dạng vòng, cắt kết hợp thuận tiện cho việc phân phối nước đến các điểm tiêu thụ. Vật liệu ống bằng gang dẻo hoặc ống nhựa....

- Tiếp tục sử dụng mạng lưới ống hiện có và đặt mới các tuyến ống cho các khu chức năng xây dựng mới đảm bảo cấp nước đủ cho nhu cầu của thị trấn.

- Duy trì, bảo dưỡng mạng lưới đường ống tránh thất thoát.

- Áp lực dự kiến trong mạng cấp 1 vào giờ cao điểm là ≥ 15 m, đủ cấp nước cho nhà cao từ 2 - 3 tầng.

- Để điều hòa áp lực và lưu lượng nước giờ cao điểm dùng máy bơm biến tần có điều khiển tự động.

- Nước được qua xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống: QCVN 01-2009/BYT rồi mới cấp cho sử dụng sinh hoạt.

- Trên mạng lưới cấp nước bố trí các trụ cứu hỏa $\Phi 100$ theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy TCVN 2622-1995 phục vụ công tác chữa cháy trong đô thị.

d) Cấp nước chữa cháy:

- Dự kiến lưu lượng nước phục vụ PCCC là 648m^3 .

- Nguồn dự trữ nước PCCC từ các bể nước ngầm tại trạm cấp nước và hồ điều hòa công viên cây xanh công cộng. Tận dụng nguồn nước tại các sông suối, hồ nước trên địa bàn thị trấn để phục vụ công tác PCCC.

7.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và xử lý môi trường:

- Tiêu chuẩn nước thải tính bằng 80% lưu lượng nước cấp sinh hoạt.

- Tổng lưu lượng nước thải $Q = 1.920 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ (bao gồm nước thải sinh hoạt, khách vãng lai, công trình công cộng).

- Lưu vực thoát nước thải theo lưu vực thoát mưa.

- Hệ thống thoát nước thải từng bước được tách riêng cho phù hợp với điều kiện phát triển của địa phương.

- Toàn thị trấn xây dựng 01 trạm xử lý nước thải tập trung có công suất $Q = 2.200 \text{ m}^3/\text{ngày-đêm}$ vị trí ở phía Tây Bắc.

- Do địa hình đồi dốc một số khu vực nước thải không tự chảy về trạm xử lý nước thải nên phải bố trí trạm bơm nước thải tự động.

- Cống thoát nước thải sử dụng cống tròn bê tông ly tâm có đường kính D400 đến D800.

7.6. Quy hoạch chất thải rắn và nghĩa trang:

a) Quản lý chất thải rắn:

- Tổng lượng rác thải rắn: $W = 20 \text{ tấn/ngày}$.

- Toàn bộ khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom của thị trấn sẽ được vận chuyển và đưa về xử lý tại khu xử lý chất thải rắn đã được quy hoạch xã Ia Bả, cách tỉnh lộ 664 khoảng 5,5km, diện tích 7ha. Khu xử lý chất thải rắn được đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn bằng công nghệ đốt rác hiện đại.

b) Nghĩa trang: Được quy hoạch phía Tây Bắc trong ranh giới thị trấn, cách tỉnh lộ 664 khoảng 200m, quy mô 20ha.

7.7. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Phát triển điểm truy cập công cộng tại các địa điểm thích hợp với từng địa bàn cơ sở như: Các trường học, nhà văn hóa, và các trung tâm giáo dục cộng đồng... để lắp đặt thiết bị nhằm thu hút và tạo điều kiện tốt nhất cho người dân có thể khai thác, sử dụng có hiệu quả các dịch vụ điện thoại cố định và truy cập internet.

- Thực hiện cáp quang hóa và ngầm hóa các đường cáp để đảm bảo chất lượng dịch vụ và mỹ quan đô thị, đặc biệt là dọc các tuyến đường, phố chính tại khu vực trung tâm thị trấn.

- Thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất; tiếp tục mở rộng băng thông internet nội hạt và liên tỉnh đáp ứng nhu cầu của xã hội:

triển khai mạng thông tin di động 3G, 4G và các thế hệ mới tiếp theo.

8. Định hướng không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

a) Khu vực tâm hành chính huyện: Định hướng cải tạo, bảo tồn, chỉnh trang mỹ quan đô thị, hệ thống giao thông, kiểm soát mật độ xây dựng, tăng cao đối với các công trình xây dựng; tăng cường không gian cây xanh, công cộng, bãi đậu xe...

b) Khu vực các tuyến trục chính: Quản lý việc đầu tư xây dựng các công trình điểm nhấn, công trình thương mại - dịch vụ, chỉ giới xây dựng, kiến trúc tuyến phố.

c) Khu vực cảnh quan (công viên cây xanh, mặt nước, vùng trũng thoát nước): Tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng, cấm mốc, kêu gọi xã hội hóa đầu tư.

d) Khu vực phát triển dân cư mới: Quản lý, thực hiện theo quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt.

e) Khu vực dân cư hiện hữu, làng bản hiện có: Chỉnh trang, cải tạo, nâng cấp kết hợp xây dựng mới, đặc biệt là các công trình hạ tầng kỹ thuật.

f) Khu vực vành đai nông nghiệp: Phát triển mô hình nông nghiệp với du lịch, dịch vụ.

9. Biện pháp bảo vệ môi trường:

- Kiểm soát việc khai thác nước ngầm để sử dụng vào mục đích sinh hoạt; kêu gọi đầu tư và phát triển hệ thống cấp nước để tăng tỷ lệ người dân sử dụng nước qua hệ thống cấp nước tập trung 100%.

- Môi trường không khí kiểm soát tại các dự án đầu tư xây dựng, xây dựng công trình.

- Tổ chức các giải pháp kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường, kế hoạch quản lý và giám sát môi trường. Kế hoạch quản lý và giám sát môi trường thực hiện theo Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ.

- Các khu chức năng được bố trí theo đúng quy phạm, có quy định mật độ xây dựng và phân đợt xây dựng, hạn chế các tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình xây dựng.

- Quy hoạch công viên cây xanh và tăng cường trồng cây xanh các công trình hạ tầng kỹ thuật và các trục giao thông, công viên.

- Hệ thống thu và xử lý nước thải, chất thải rắn: Có lộ trình xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng; nước thải theo đường cống thoát nước thải được đưa về trạm xử lý tập trung và được xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14-2008/BTNMT; chất thải rắn phải được thu gom, xử lý đúng quy định.

Điều 2. Giao cho UBND huyện Ia Grai phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện quy hoạch được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông, Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Ia Grai và Thủ trưởng các sở, ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Đ/c CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT,TTTH, KTTH, CNXD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Tiến Đông